CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 21/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và

giao công trình cho đơn vị quản lý vận hành theo quy định sau khi hoàn thành dự án;

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện dự án; đề xuất xử lý đối với các đơn vị không hoàn thành đúng đề xuất thực hiện dự án đã được phê duyệt hoặc Hợp đồng dự án đã ký kết.

3. Cảng vụ Hàng hải khu vực và tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận và quản lý, vận hành, khai thác công trình khi hoàn thành dự án.

Điều 11a. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[13]

1. Không quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông thuộc diện tích các khu vực nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện thủ tục đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu của các dự án nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo đề nghị của nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải khu vực và các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra hoạt động nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển; phối hợp xử lý các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện dự án và hoạt động khai thác cát trái phép theo quy định.

Điều 12. Quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

1. Việc thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về khoáng sản nhưng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Không thực hiện thăm dò, khai thác khoáng sản trong khu vực xây dựng cảng biển, luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão;

b) Không ảnh hưởng đến quy hoạch cảng biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đáp ứng yêu cầu về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

---

[13] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Mẫu số 01

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ Số:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vv: Đăng ký thực hiện dự án....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Tên nhà đầu tư:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh số: .....ngày .... tháng .... năm .... tại .....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ văn bản số ..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục các dự án khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Xét năng lực và nhu cầu hiện tại, Công ty .... đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giải quyết thủ tục cho phép Công ty tham gia xã hội hóa thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước với nội dung chính như sau:

- Tên dự án.
- Vị trí, địa điểm thực hiện dự án.
- Dự kiến phạm vi thực hiện dự án.
- Lý do, sự cần thiết thực hiện dự án.
- Hình thức thực hiện.
- Dự kiến thời gian thực hiện.
- Các nội dung liên quan khác.

Công ty ..... kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ Số:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Vv: Đề nghị phê duyệt đề xuất dự án xã hội hóa thực hiện nạo vét...	*....., ngày.....tháng.....năm 20..... .....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Tên nhà đầu tư:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký kinh doanh số: .....ngày .... tháng .... năm .... tại .....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ văn bản số ..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục các dự án (công trình) khuyến khích thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ văn bản số ..... của Cục Hàng hải Việt Nam, Công ty đã tiến hành lập hồ sơ đề xuất tham gia xã hội hóa thực hiện nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách đối với dự án .....

Nội dung chính của hồ sơ đề xuất bao gồm:

- Tên dự án.
- Vị trí, địa điểm thực hiện dự án.
- Dự kiến phạm vi thực hiện dự án.
- Lý do, sự cần thiết thực hiện dự án.
- Hình thức thực hiện.
- Dự kiến thời gian thực hiện.
- Các nội dung liên quan khác theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Hồ sơ kèm theo.

Công ty ..... kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, phê duyệt làm cơ sở đàm phán, ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện dự án theo quy định của pháp luật./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN ẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CHHVN-QLKCHTCB V/v Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án xã hội hóa nạo vét ..... theo hình thức tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải và Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT;

Xét văn bản số.....(số, ngày và tên văn bản trình đề xuất thực hiện dự án) và hồ sơ đăng ký thực hiện dự án..... của Công ty....., Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải..... theo hình thức tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

I. Đánh giá sự cần thiết thực hiện dự án (trong đó nêu rõ sự cần thiết nạo vét? dự án đã có trong danh mục công bố xã hội hóa chưa? dự án phù hợp với quy hoạch phát triển cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu, tránh trú bão không?...)

II. Đánh giá năng lực nhà đầu tư

1. Thông tin chung về nhà đầu tư

- Công ty:
- Người đại diện pháp luật:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận ĐKKD:
- Vốn điều lệ:
- Ngành nghề kinh doanh chính:

2. Bảng đánh giá năng lực thực hiện dự án của nhà đầu tư

TT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá		Ghi chú
I	**Tiêu chí tiên quyết**	Có	Không	
1	Văn bản đăng ký theo mẫu			
2	Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư			
3	Hồ sơ năng lực tài chính			
4	Hồ sơ năng lực kỹ thuật			
5	Hồ sơ năng lực nhân sự			
II	**Vi phạm của nhà đầu tư**			
1	Vi phạm của nhà đầu tư trong thực hiện dự án nạo vét, duy tu luồng			
2	Vi phạm khác của nhà đầu tư đăng tải trên Báo Đấu thầu và Trang thông tin điện tử về đấu thầu			
III	**Tiêu chí lựa chọn**	**Điểm đánh giá**	**Điểm tối đa**	
1	Dự án đăng ký		**10**	Điểm đánh giá được xác định của 01 trong 02 tiêu chí
-	Trong danh mục dự án đã công bố		10	
-	Ngoài danh mục dự án công bố nhưng đã có ý kiến thống nhất của Cục Hàng hải Việt Nam và UBND cấp tỉnh nơi có dự án		5	
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định		**15**	
3	Năng lực tài chính		**20**	Tổng điểm của 02 tiêu chí
a	Báo cáo tài chính gần nhất của nhà đầu tư đã kiểm toán hoặc báo cáo thuế hàng năm phù hợp		12	Từ 01 đến 02 năm liên tục chấm 8 điểm, trên 02 năm liên tục chấm 12 điểm
b	Cam kết về nguồn vốn thực hiện dự án		8	
4	Năng lực kỹ thuật		**20**	Tổng điểm của 02 tiêu chí
a	Máy móc, thiết bị nạo vét, phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của nhà đầu tư		12	Dưới 05 thiết bị, phương tiện chấm 8 điểm, từ 05 thiết bị, phương tiện trở lên chấm 12 điểm
b	Máy móc, thiết bị nạo vét, phương tiện vận chuyển đi thuê hoặc liên doanh		8	Dưới 05 thiết bị, phương tiện chấm 5 điểm, từ 05 thiết bị, phương tiện trở lên chấm 8 điểm
5	Năng lực nhân sự		**15**	Tổng điểm của 03 tiêu chí
a	Cán bộ quản lý		5	Theo Hợp đồng lao động
b	Cán bộ kỹ thuật		5	Theo Hợp đồng lao động
c	Công nhân viên		5	Theo Hợp đồng lao động
2	Kinh nghiệm nhà đầu tư		**20**	Tổng điểm của 04 tiêu chí

III. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA KHU VỰC DỰ ÁN

Nêu các đặc điểm nổi bật tại khu vực thực hiện Dự án về các yếu tố:

1. Đặc điểm địa hình

2. Đặc điểm địa chất

3. Điều kiện khí tượng, thủy hải văn

IV. KHỐI LƯỢNG VÀ BIỆN PHÁP THI CÔNG

1. Khối lượng thi công

Nêu tổng hợp và chi tiết khối lượng thi công nạo vét các giai đoạn, khối lượng thi công các báo hiệu hàng hải.

2. Thời gian thi công dự án

Nêu thời gian thi công đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Biện pháp thi công và công tác đổ thải.

- Thiết bị thi công huy động đến công trình.

- Biện pháp thi công các hạng mục.

- Công tác đổ thải sản phẩm không tận thu theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

1. Phương tiện, thiết bị và nhân lực bảo đảm an toàn hàng hải.

1.1. Thống kê danh mục phương tiện, thiết bị

1.2. Tổng hợp nhân lực tham gia công tác BĐATHH

2. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải chung cho công trường

2.1. Lắp đặt hệ thống báo hiệu giới hạn khu vực thi công.

Mô tả biện pháp thi công hệ thống báo hiệu giới hạn khu vực thi công và bảng tọa độ của hệ thống báo hiệu.

2.2. Tổ chức điều tiết giao thông và kiểm tra an toàn hàng hải.

Mô tả biện pháp điều tiết giao thông đường thủy và công tác kiểm tra an toàn hàng hải.

2.3. Yêu cầu đối với thiết bị và người lao động khi thi công trên sông, biển

- Nêu các yêu cầu đối với phương tiện, thiết bị.

- Nêu các yêu cầu đối với người lao động.

3. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải chi tiết cho các hạng mục công việc

3.1. Tại khu vực thi công nạo vét

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải cho các công tác nạo vét đoạn luồng chính, luồng công vụ, khu neo đậu tránh trú bão…

3.2. Tại khu vực chuyển tải và sang mạn

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải đối với công tác vận chuyển sản phẩm nạo vét từ khu vực thi công đến khu vực chuyển tải và công tác chuyển tải, sang mạn.

3.3. Tại khu vực thi công hệ thống báo hiệu dẫn luồng

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải khi thi công hệ thống báo hiệu dẫn luồng.

VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Mô tả Sơ đồ tổ chức và sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai Dự án.

VII. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Nêu tổng quan về đặc điểm môi trường và yếu tố cháy nổ liên quan đến Dự án và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ